

Bản án số: **150/2019/DS-PT**

Ngày: 27 - 8 - 2019

*V/v tranh chấp: "Đòi bồi thường thiệt
hại do người thi hành công vụ gây ra"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Võ Bích Hải.

2/- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về "*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh H.** sinh năm: 1953.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **Nguyễn Thị Mỹ N** (chết ngày 18/9/2011 theo giấy chứng tử số 55 ngày 28/9/2011)

- Anh **Trần Văn P**, sinh năm: 1976

- Anh **Trần Thanh T**, sinh năm: 1982

- Anh **Trần Thanh G**, sinh năm: 1987

Cùng ủy quyền cho ông Trần Thanh H (văn bản ủy quyền ngày 05/10/2018).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: - **Trung tâm D Cần Thơ**. Địa chỉ: Nguyễn An N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Ngô Thống N**, Phó giám đốc Trung tâm (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2011).

- **Chi cục T quận N** (tên trước khi chia tách là Đội T thành phố C, tỉnh Cần Thơ). Địa chỉ: Trần Khánh D, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T; Phó Chi cục trưởng (văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019).

- Ông **Nguyễn Hữu Tr**, Chấp hành viên Chi cục T quận N. Địa chỉ: 200 đường 3-2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Minh Th**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Hùng V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị T.A** (chết)

- Ông **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- **Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Cần Thơ**. Địa chỉ: Phan Đình P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Nguyễn Thị Mai P**, Nhân viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền ngày 16/11/2018).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Chi cục T quận N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông Trần Thanh H đại diện trình bày:

Ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ N đăng ký tham gia mua đấu giá tài sản phần nhà đất tọa lạc tại tổ 21, ấp M, xã M, thành phố Cần Thơ (cũ) vào ngày 28/02/2001 tại Trung tâm T tỉnh Cần Thơ. Sau khi trúng đấu giá ông bà đã nộp tiền trúng giá cho Trung tâm với số tiền 8.600.000đ. Tuy nhiên, sau khi nhận được văn bản xác nhận trúng đấu giá từ phía Trung tâm và nộp tiền đầy đủ nhưng vợ chồng ông không nhận được tài sản đã mua. Được biết, tài sản này là tài sản do Đội T thành phố Cần Thơ (nay là Chi cục T quận N) đem phát mãi đấu giá để thi hành theo quyết định thi hành án, nhưng người trực tiếp thực hiện công vụ tại thời điểm đó là Chấp hành viên ông Nguyễn Hữu Tr đã không làm hết chức trách, nhiệm vụ của mình, kéo dài thời gian và không giao tài sản cho ông bà. Do vậy, đã gây thiệt hại cho vợ chồng ông.

Sau khi bị thiệt hại, suốt nhiều năm liền, vợ chồng ông đã gửi nhiều đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền, kể cả khởi kiện ra Tòa án để đòi bồi thường thiệt hại nhưng vẫn chưa được giải quyết.

Đến năm 2010 khi có Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thì việc khởi kiện của ông tại Tòa án mới được thụ lý giải quyết. Nay ông khởi kiện yêu cầu: Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông số tiền thiệt hại do không nhận được tài sản là 445.775.000đ.

* Bị đơn Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Thống N trình bày:

Ngày 19/12/2000, Đội T TP. Cần Thơ ủy quyền cho Trung tâm (có hợp đồng ủy quyền số 81/HĐ) tổ chức bán đấu giá tài sản là nhà đất tọa lạc tại số ấp M, xã M, TP. Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) của bà Nguyễn Thị T.A để thi hành án. Trong hợp đồng có nêu rõ Đội T TP. Cần Thơ là người bán tài sản, còn Trung tâm chỉ được ủy quyền tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định, việc bảo quản và giao tài sản bán đấu giá là trách nhiệm của Đội T.

Do vậy, ông H kiện Trung tâm là không đúng chủ thể, bởi cơ quan thi hành án cũng đã thừa nhận tại các công văn trả lời là “*phần thiệt hại của ông bà và cả Trung tâm dịch vụ bán đấu giá, cơ quan thi hành án sẽ tiến hành bồi thường tương ứng...*”. Việc ông H, bà N kiện Trung tâm là không có căn cứ nên Trung tâm không đồng ý bồi thường cho ông bà, đề nghị xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Bị đơn Chi cục T quân N và Chấp hành viên Nguyễn Hữu Tr, thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Hồng T trình bày:*

Việc ông H không nhận được tài sản trúng đấu giá không phải do lỗi của ông Tr, vì ông Tr đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình với tư cách là một Chấp hành viên của cơ quan thi hành án. Việc không giao được tài sản cho ông H là do chỉ đạo của Ban chỉ đạo thi hành án. Nguyên nhân của việc không giao được tài sản là do Ngân hàng (bên được thi hành án) và bà Nguyễn Thị T.A đã tự thương lượng thanh toán tiền thi hành án sau khi đã tiến hành bán đấu giá tài sản. Do vậy, lỗi này thuộc về Ngân hàng C - Phòng giao dịch Cần Thơ (cũ), chứ không phải lỗi của ông Tr. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, đại diện bà Nguyễn Thị Mai P trình bày: 150m² đất thổ cư của bà Nguyễn Thị T.A mà Trung tâm B tỉnh Cần Thơ đem bán đấu giá, chỉ là một phần diện tích nhỏ trong thửa đất có diện tích 6.725m² mà bà Tám và con trai là ông Phong đã thế chấp tại Ngân hàng C Cần Thơ. Khi Đội T kê biên tài sản để đưa ra bán đấu giá, Ngân hàng không được biết và thành phần đi kê biên cũng không có Ngân hàng tham dự. Sau khi bán được tài sản (ngày 28/02/2001) cơ quan thi hành án cũng không thông báo cho Ngân hàng biết, nên đến ngày 13/11/2001 (sau 09 tháng kể từ ngày bán đấu giá thành), Ngân hàng đã trả lại bản chính giấy CNQSDĐ là tài sản mà người vay đã thế chấp cho Ngân hàng.

Ngày 15/11/2001 Ngân hàng có làm thông báo gửi Cơ quan thi hành án Ninh Kiều để thông báo trường hợp khách hàng Nguyễn Thị T.A đã trả tất khoản vay và sau đó cũng không biết gì về vấn đề ông H đi khiếu nại do không nhận được tài sản cho đến khi được Tòa án mời tham gia tố tụng. Nay không có ý kiến gì đối với tranh chấp giữa ông H với các bị đơn.

+ Ông Nguyễn Thanh P (con bà Nguyễn Thị T.A) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2016: ông có biết việc mẹ ông là bà Nguyễn Thị T.A vay tiền của Ngân hàng C và thế chấp giấy CNQSDĐ cho Ngân hàng, nhưng đã tất nợ xong và nhận lại giấy chứng nhận bản chính. Hiện nay phần đất này do ông đang đứng tên chủ sử dụng. Ông không biết gì về phần đất của gia đình ông bị kê biên đem ra đấu giá, cho đến khi có giấy mời của Tòa án quận Ninh Kiều do ông H kiện yêu cầu bồi thường ông mới được biết. Nay ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp này.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận N đưa ra xét xử; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc Chi cục T quận N (tên trước đây là Đội T thành phố Cần Thơ) phải có nghĩa vụ bồi thường cho các nguyên đơn, có đại diện là ông Trần Thanh H số tiền 445.775.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, chi phí đo đạc định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/12/2018 Chi cục T quận N kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại bác khởi kiện đòi bồi thường của nguyên đơn vì những vi phạm về tố tụng và nội dung như sau: Đội T TP.Cần Thơ trước đây được tách thành hai đơn vị là Chi cục T quận N và Chi cục T quận P, tài sản bán đấu giá ở P nên Chi cục T quận P là bị đơn mới đúng; Chi cục T quận N do ông Nguyễn Hữu Tr, Phó Chi cục trưởng ủy quyền cho ông Ngô Hồng T đại diện tham gia tố tụng ngày 27/3/2013, nhưng thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 14/11/2018 ông Nguyễn Hữu Tr đã là Chi cục Trưởng nên ủy quyền trước đó không còn giá trị; Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên nhân danh nhà nước để thực hiện nhiệm vụ được giao, Tòa án cấp sơ thẩm xác định họ tư cách bị đơn là không đúng; Việc xét xử vắng mặt ông Ngô Hồng T người đại diện ủy quyền khi ông T không nhận được giấy triệu tập là không đúng quy định; Lỗi trong vụ việc này là của Ngân hàng C-Chi nhánh Cần Thơ mặc dù đã được thông báo ở từng giai đoạn, là do quan điểm chỉ đạo của Hội đồng liên ngành thời điểm đó, là do người phải thi hành án khiếu nại nên các cơ quan chức năng phải xem xét kéo dài, chậm trễ không giao được tài sản trúng đấu giá không phải lỗi của cơ quan thi hành án và Chấp hành viên. Vì thế buộc cơ quan thi hành án bồi thường là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự khác vẫn giữ ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, đương sự và Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 4 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 4 Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BTP-BQP ngày 15/12/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng, hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự, thì Công văn 132/TLĐ.ĐTHA ngày 07/6/2002 của Đội trưởng Đội T TP/Cần Thơ và Công văn số 115/THA ngày 22/10/2002 của Phòng thi hành án tỉnh Cần Thơ là cơ sở căn cứ để nguyên đơn có quyền thực hiện quyền yêu cầu bồi thường theo Điều 40, 41 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tuy nhiên nguyên đơn chưa nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường tại Chi cục T quận N nên chưa có quyền khởi kiện. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm tố tụng. Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bị đơn Chi cục T quận N kháng cáo cho rằng:

Thứ nhất: Đội T thành phố Cần Thơ trước đây được tách thành hai đơn vị là Chi cục T quận N và Chi cục T quận P, tài sản bán đấu giá ở P nên Chi cục T

quận P là bị đơn mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi cục T quận N là bị đơn là không đúng. Luận điểm này là sai, căn cứ vào khoản 2 Điều 40 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Điều 4 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010; Điều 10 Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BTP-BQP ngày 15/12/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng, hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự; Điều 62 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự là cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp quản lý người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại. Mặt khác đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại chứ không phải tranh chấp bất động sản; kháng cáo không có căn cứ.

Thứ hai: Chi cục T quận N do ông Nguyễn Hữu Tr, Phó Chi cục trưởng ủy quyền cho ông Ngô Hồng T đại diện tham gia tố tụng ngày 27/3/2013, nhưng thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 14/11/2018 ông Nguyễn Hữu Tr đã là Chi cục Trưởng nên ủy quyền trước đó không còn giá trị. Luận điểm này sai, ủy quyền trong trường hợp này là không đúng quy định của pháp luật chứ không phải là không còn giá trị (sẽ được phân tích ở phần sau).

Thứ ba: Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên nhân danh nhà nước để thực hiện nhiệm vụ được giao, Tòa án cấp sơ thẩm xác định họ là bị đơn là không đúng. Lập luận này là sai. Bởi lẽ, trong quá trình thi hành công vụ Chấp hành viên có lỗi gây thiệt hại thì cơ quan quản lý công chức là người có trách nhiệm bồi thường theo khoản 2 Điều 40 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Vì vậy xác định Chi cục T quận N là bị đơn là đúng.

Thứ tư: Việc xét xử vắng mặt ông Ngô Hồng T người đại diện ủy quyền khi ông T không nhận được giấy triệu tập là không đúng quy định. Đánh giá luận điểm này, xét rằng: Tại Biên bản giao ngày 05/10/2018 (BL 266) đích thân ông T ký nhận Quyết định hoãn phiên tòa số 225 ngày 05/10/2018 (dời lại xét xử lúc 08 giờ ngày 25/10/2018) và tại Biên bản giao ngày 25/10/2018 (BL 269) chị Ngô Thị Huỳnh M là nhân viên Văn phòng Luật sư V (Văn phòng Luật sư ông T đang hoạt động) trực tiếp ký nhận Quyết định hoãn phiên tòa số 245 ngày 25/10/2018 (dời lại xét xử lúc 08 giờ ngày 13/11/2018) và có cam kết giao Quyết định này lại cho ông T. Như vậy ông Ngô Hồng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thứ năm: Lỗi trong vụ việc này là của Ngân hàng C-Chi nhánh Cần Thơ mặc dù đã được thông báo ở từng giai đoạn, là do quan điểm chỉ đạo của Hội đồng liên ngành thời điểm đó, là do người phải thi hành án khiếu nại nên các cơ quan chức năng phải xem xét kéo dài, chậm trễ không giao được tài sản trúng đấu giá không phải lỗi của cơ quan thi hành án và Chấp hành viên nên buộc cơ quan thi hành án bồi thường là không đúng. Vấn đề này đã có văn bản của người có thẩm quyền là cơ quan quản lý trực tiếp, cũng như cơ quan cấp trên của người thi hành công vụ kết luận, trả lời xác định có lỗi của Chấp hành viên nên không cần thiết phân tích thêm.

Tất cả những nội dung kháng cáo của Chi cục T quận N đều không có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót, vi phạm cụ thể như sau:

*** Về tố tụng:**

[2] Nguyên đơn khởi kiện ngày 28/7/2010 yêu cầu các bị đơn liên đới bồi thường thiệt hại do không giao được tài sản mà nguyên đơn đã mua trúng đấu giá. Cấp sơ thẩm thụ lý theo quan hệ “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại theo hợp đồng bán đấu giá tài sản*” thuộc khoản 3 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011). Nhưng trong quá trình giải quyết lại xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra*” theo khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là mâu thuẫn và không đúng, vi phạm điểm d khoản 1 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc trường hợp “*Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật*”.

[3] Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2010 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Trung tâm B tỉnh Cần Thơ và Chấp hành viên Nguyễn Hữu Tr bồi thường thiệt hại; Ngày 28/8/2013 nguyên đơn có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định theo đơn khởi kiện trước đó là ngày 24/02/2005 có khởi kiện Trung tâm B tỉnh Cần Thơ và Đội T TP/Cần Thơ, nay xin thay đổi lại chỉ kiện Trung tâm B tỉnh Cần Thơ, còn Cơ quan thi hành án có liên quan đến vụ kiện là do Tòa xác định tư cách trong vụ kiện; Ngày 10/8/2018 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung đối với Chi cục T quận N và người trực tiếp thực hiện công vụ là Chấp hành viên Nguyễn Hữu Tr. Đánh giá tình tiết này, xét rằng: Đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm phạm, nhưng việc xác định ai là người có lỗi, ai là người phải chịu trách nhiệm bồi thường. Tức là xác định tư cách đương sự, tư cách bị đơn trong vụ án là thuộc trách nhiệm của Tòa án. Trong vụ án này người trực tiếp thi hành công vụ có lỗi gây thiệt hại là công chức của Chi cục T quận N, nên cơ quan quản lý người thi hành công vụ là bị đơn; còn người thi hành công vụ Chấp hành viên Nguyễn Hữu Tr và Trung tâm B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm xác định họ cùng là bị đơn là không chính xác.

[4] Về thủ tục ủy quyền: Giữa Bị đơn là Chi cục T quận N với người thi hành công vụ trong vụ án này Chấp hành viên Nguyễn Hữu Tr có quyền và lợi ích hợp pháp đối lập nhau, nhưng cùng ủy quyền cho một người đại diện là ông Ngô Hồng T tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm chấp nhận là vi phạm Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những trường hợp không được làm người đại diện. Đồng thời ông Nguyễn Hữu Tr với chức vụ là Phó Chi cục trưởng Chi cục T quận N, không phải là người đứng đầu pháp nhân theo quy định pháp luật, nhưng lại ký giấy ủy quyền cho ông Ngô Hồng T đại diện ủy quyền của pháp nhân để tham gia tố tụng là trái với Điều 140, 141 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Về người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ N chết ngày 18/9/2011 (theo giấy chứng tử số 55 ngày 28/9/2011), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N gồm: chồng là ông Trần Thanh H; các con gồm: Trần Văn P, Trần Thanh T, Trần Thanh G, Trần Thanh V (chết năm

2005) có 01 con là Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 01/4/2004; Trần Văn H (chết năm 2009) có 02 con là Trần Thanh H, sinh ngày 07/4/1997 và Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 11/01/2005. Cấp sơ thẩm không đưa Trần Thị Ngọc Q, Trần Thanh H và Trần Ngọc Lan Th vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 4 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Mặc dù hồ sơ có thể hiện ông Trần Thanh H là người giám hộ cho các đương sự này, nhưng bản án sơ thẩm không ghi nhận tư cách người liên quan kế thừa tố tụng của họ là thiếu sót. Mặt khác, đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử thì Trần Thanh H đã trên 18 tuổi nhưng không được đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm.

[6] Về việc áp dụng pháp luật: Thời điểm giao dịch được xác lập, nguyên đơn mua trúng đấu giá tài sản và bị đơn Đội T không giao tài sản cho người mua trúng đấu giá là năm 2001, nên Luật nội dung được áp dụng để điều chỉnh trong vụ án này là Bộ luật dân sự năm 1995, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 là thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện để giải quyết là áp dụng pháp luật không đúng.

*** Về nội dung:**

[7] Trong quá trình giải quyết, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) hoặc điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng lại quyết định đưa vụ án ra xét xử và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Bởi lẽ:

[7.1] Tại khoản 1 Điều 4 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 về Quyền yêu cầu bồi thường quy định: *“Người bị thiệt hại có quyền yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường giải quyết việc bồi thường khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật”*.

[7.2] Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BTP-BQP ngày 15/12/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng, hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự, tại khoản 2 Điều 4 về Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hoặc làm cơ sở để xác định người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật; quy định:

1. *Quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 142 Luật Thi hành án dân sự đã có hiệu lực pháp luật.*

2. *Kết luận nội dung tố cáo của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 157 Luật Thi hành án dân sự.*

3. *Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật.*

[7.3] Đối chiếu với các quy định trên, thì Công văn số 132/TLĐ.ĐTHA ngày 07/6/2002 của Đội trưởng Đội T TP/Cần Thơ và Công văn số 115/THA ngày 22/10/2002 của Phòng Thi hành án tỉnh Cần Thơ có nêu: *“...một phần nào đó do Chấp hành viên thiếu tích cực chủ động tổ chức giao tài sản...”*. Đồng thời cũng đã nêu rõ cách giải quyết là: *“...Phần thiệt hại của ông, bà và cả Trung tâm dịch vụ bán đấu giá, cơ quan thi hành án sẽ tiến hành bồi thường tương ứng với mức độ lỗi của bên bán tài sản mà không giao được tài sản và tương ứng với lỗi trong thi hành công vụ của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật”*. Đây

chính là Kết luận nội dung giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, là văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật. Do đó vợ chồng ông H có quyền yêu cầu bồi thường và nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại theo Điều 40, 41 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009.

[8] Vì vậy chỉ sau khi ông H, bà N nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường mà không được giải quyết hoặc có giải quyết nhưng ông, bà không đồng ý với quyết định giải quyết bồi thường đó thì mới có quyền khởi kiện đến Tòa án theo khoản 1 Điều 22 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: *“Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn ra quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại Điều 20 của Luật này mà cơ quan có trách nhiệm bồi thường không ra quyết định hoặc kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được quyết định nhưng không đồng ý thì người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định tại Điều 23 của Luật này để yêu cầu giải quyết bồi thường...”* và Điều 18 Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BTP-BQP ngày 15/12/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng, hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự; đó là: *“Người bị thiệt hại có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường trong các trường hợp sau đây:*

1. Người bị thiệt hại không đồng ý với quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Hết thời hạn ra quyết định giải quyết bồi thường mà cơ quan giải quyết bồi thường không ra quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

.....”

Căn cứ các quy định đã được viện dẫn, phân tích. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Do đó cần phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án như Kiểm sát viên phúc thẩm đề nghị là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: không ai phải chịu, nên các đương sự được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với chi phí đo đạc, định giá tài sản 2.000.000đ nguyên đơn đã nộp tạm ứng; nguyên đơn có quyền đưa vào các khoản bồi thường để yêu cầu Chi cục T quận N hoàn trả lại khi nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 4 Điều 308, Điều 311; điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 100/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử vụ án tranh chấp *“Đòi bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra”* giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh H; bà Nguyễn Thị Mỹ N (đã chết) có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm: Trần Văn P, Trần Thanh T, Trần Thanh G.

- Bị đơn: Trung tâm D Cần Thơ; Chi cục T quận N; ông Nguyễn Hữu Tr.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T.A (đã chết), ông Nguyễn Thanh P; Ngân hàng TMCP C-Chi nhánh Cần Thơ.

2/- Đình chỉ việc giải quyết vụ án trên.

3/- Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: không ai phải chịu, nên trả lại số tiền tạm ứng đã nộp cho:

- Nguyên đơn là 3.969.000đ theo biên lai số 006149 ngày 23/8/2010 của Chi cục T quận N.

- Bị đơn Chi cục T quận N số tiền 300.000đ theo biên lai số 000713 ngày 17/12/2018 của Chi cục T quận N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q.N.
- Chi cục THADS.N.
- Lưu (HS - 2b).

(Đã ký)
Trần Tuấn Quốc